

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2025/HS-ST

Ngày 17/6/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Trình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Văn Hải
2. Bà Nguyễn Thị Bé Em

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phan Minh Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 29/2025/TLST-HS ngày 09/5/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2025/QĐXXST-HS ngày 29/5/2025 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Trọng N, sinh năm 2003 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long); căn cước công dân số: 083203007112; danh chỉ bản số: 32 lập ngày 02/4/2025 tại Phân trại tạm giam khu vực thành phố B thuộc Trại tạm giam Công an tỉnh B; trình độ văn hóa: 6/12; nghề nghiệp: không; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1977 và bà Trương Thị Diễm T, sinh năm 1982; vợ: Nguyễn Thị Tuyết P, sinh năm: 2004; con: có 01 người con sinh năm 2023; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: Quyết định số 10/QĐ-XPHC ngày 11/4/2025 của Công an xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Trọng N về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” số tiền 1.500.000 đồng.

Bị cáo bị C đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17/02/2025 cho đến nay, bị cáo có mặt.

2. Nguyễn Quốc V, sinh năm 2002 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long); căn cước công dân số: 083202011923; danh chỉ bản số: 33 lập ngày 02/4/2025 tại Phân trại tạm giam khu vực thành phố B thuộc Trại tạm giam Công an tỉnh B; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: không; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1, sinh năm, 1977 và bà Lê Thị Ngọc T2, sinh năm 1982; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: Quyết định xử phạt vi phạm

hành chính số 16/QĐ-XPHC ngày 29/8/2024 của Công an xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Quốc V về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” số tiền 1.500.000 đồng (chưa đóng phạt).

Bị cáo bị C đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17/02/2025 cho đến nay, bị cáo có mặt.

- *Bị hại:*

1. Nguyễn Trọng N, sinh năm 1995; nơi cư trú: số B, khu phố D, phường H, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường P, tỉnh Vĩnh Long). Có mặt

2. Phùng Văn L, sinh năm 1959; nơi cư trú: số B, khu phố D, phường H, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường P, tỉnh Vĩnh Long). Vắng mặt

Đại diện theo ủy quyền của ông L: Nguyễn Trọng N, sinh năm 1995; nơi cư trú: số B, khu phố D, phường H, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Có mặt

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Nguyễn Văn Ba S1, sinh năm 1991; nơi cư trú: số B, ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long). Vắng mặt

2. Trần Bửu C1, sinh năm 1981; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long). Vắng mặt

3. Huỳnh Bảo T3, sinh năm 1987; nơi cư trú: số A, ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long). Vắng mặt

4. Nguyễn Văn T1, sinh năm 1977; nơi cư trú: ấp T, Chợ X, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long). Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 03 giờ 05 phút ngày 21/12/2024, Nguyễn Quốc V điều khiển xe mô tô Biển số 71B3 - 829.08 (xe do ông Nguyễn Văn T1 là cha của V đứng tên) chở Nguyễn Trọng N từ Ngã tư T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre đến thành phố B với mục đích tìm tài sản trộm cắp. Khi đi ngang qua nhà của ông Phùng Văn L ở Số B, Khu phố D, Phường H, thành phố B, N phát hiện nhà của ông L có cửa thông gió phòng vệ sinh đang mở nên N nói với V “nhà cửa sổ mở”, V hiểu ý của Nghĩa là sẽ đột nhập vào nhà của ông L lấy trộm tài sản nên V điều khiển xe qua khỏi nhà của ông L khoảng 50m dừng lại, đỗ xe trên vỉa hè, rồi cả hai đi bộ quay lại nhà của ông L. N đi vòng ra phía sau nhà thấy có một ghế gỗ cao khoảng 1,5m nên lấy ghế đặt ở phía dưới cửa thông gió, N trèo lên chui qua cửa thông gió đột nhập vào nhà của ông L. Vào được bên trong, N mở cửa nhà sau chuẩn bị sẵn lối thoát, lấy chiếc áo khoác màu đỏ treo ở sào đồ nhà bếp trùm lên đầu, rồi đi lên phòng khách lấy một điện thoại di động hiệu Iphone 12 để trên ghế sofa của anh Nguyễn Trọng N (con rể của ông L), N tiếp tục đi vào phòng ngủ của ông L lấy một điện thoại di động hiệu Iphone 11 của ông L đang sạc pin trên đầu tủ gỗ, rồi đi ra cửa nhà bếp tẩu

thoát ra ngoài, V điều khiển xe chở về. Trên đường về, N đưa cho V hai điện thoại di động vừa lấy trộm được để V đem bán.

Khoảng 08 giờ 05 phút ngày 21/12/2024, V đem 02 điện thoại di động lấy trộm được đến nhà của Nguyễn Văn B Sao ở ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre nhờ bán giùm. Sau đó, Sao nhắn tin qua ứng dụng Messenger cho V nói 02 điện thoại di động không mở khóa màn hình được nên chỉ bán được 1.500.000 đồng, V không đồng ý bán nên đến gặp S1 lấy lại chiếc điện thoại di động Iphone 11, còn chiếc điện thoại Iphone 12 Vinh nhờ Sao thuê thợ mở khóa màn hình. V đem chiếc điện thoại Iphone 11 đến Tiệm điện thoại di động của anh Trần Bửu C1 ở ấp T, xã T, huyện M được 700.000 đồng. V đến Tiệm điện thoại di động của anh Nguyễn H ở ấp T, xã T, huyện M nhờ anh H chuyển số tiền 650.000 đồng vào tài khoản số 0373767538 của N mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Q (MBBank), anh H thu phí 10.000 đồng; còn lại 40.000 đồng, V mua thuốc lá hút. Đối với điện thoại Iphone 12, S1 đem đến Tiệm điện thoại di động của anh Huỳnh Bảo T3 ở ấp H, xã H, huyện M thuê mở khóa màn hình, nhưng sau đó V điện thoại kêu Sao bán luôn điện thoại này. Khi S1 vừa bán điện thoại Iphone 12 và nhận số tiền 1.500.000 đồng từ anh T3 thì Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B phát hiện thu giữ điện thoại Iphone 12 và số tiền 1.500.000 đồng do Sao giao nộp.

Khi hay tin hành vi trộm cắp tài sản của V và N bị phát hiện, V đến gặp anh Trần Bửu C1 trả lại số tiền 700.000 đồng chuộc lại chiếc điện thoại Iphone 11 giao nộp Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B vào ngày 21/12/2024.

Hiện trường xảy ra vụ án tại Nhà số 274A, Khu phố D, Phường H, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Nhà số 274A gồm 01 tầng trệt và 01 tầng lầu. Trên tường nhà hướng Tây có cửa thông gió của phòng vệ sinh kích thước 0,58m x 0,78m; cách nền bên ngoài 2,55m; cách nền bên trong nhà vệ sinh 2,3m; cửa thông gió mở hoàn toàn. Trên nền đất phía dưới cửa thông gió phát hiện 01 ghế gỗ cao 1,5m; cách cửa thông gió phòng vệ sinh về hướng Đông 2,1m. Bị hại xác định tài sản bị mất để trên ghế sofa đặt tại phòng khách và bàn gỗ đặt trong phòng ngủ thứ 2.

Vật chứng thu giữ:

Do Nguyễn Văn Ba S1 giao nộp: 01 (một) điện thoại di động Iphone 12 64GB, Imei 1: 352991132675244, Imei: 352991132532247, đã qua sử dụng và số tiền 1.500.000 đồng.

Do Nguyễn Quốc V giao nộp: 01 (một) điện thoại di động Iphone 11 64GB, Imei 1: 354039664052743, Imei 2: 354039664464195, đã qua sử dụng.

Do Nguyễn Văn T1 giao nộp: 01 (một) xe mô tô Biển số 71B3 - 829.08, nhãn hiệu: Honda, loại: Wave, màu sơn: xanh bạc đen, số máy: JA39E0865969, số khung: RLHA3915KY009991 và 01 (một) Giấy đăng ký xe mô tô số 193396 mang tên Nguyễn Văn T1.

Kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐĐG ngày 03/01/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 (một) điện thoại Iphone 11 64GB (số I 1: 354039664052743, số Imei 2: 354039664464195) đã qua sử dụng trị giá tài sản ngày 21/12/2024: 4.200.000 đồng; 01 (một) điện thoại

Iphone 12 64GB (số I 1: 352991132675244, số I: 352991132532247) đã qua sử dụng trị giá tài sản ngày 21/12/2024: 4.800.000 đồng.

Ngày 25/02/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã giao trả cho bị hại Phùng Văn L 01 (một) điện thoại Iphone 11 64GB (Imei 1: 354039664052743, I: 354039664464195); trả cho bị hại Nguyễn Trọng N 01 (một) điện thoại Iphone 12 64GB (Imei 1: 352991132675244, Imei: 352991132532247).

Ngày 07/3/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B trả cho Huỳnh Bảo T3 số tiền 1.500.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B tiếp tục tạm giữ xe mô tô Biển số 71B3-829.08 để xử lý theo quy định của pháp luật.

Các bị hại Phùng Văn L và Nguyễn Trọng N đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Bảo T3 đã nhận lại số tiền 1.500.000 đồng và không yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Bửu C1 đã nhận lại số tiền 700.000 đồng và không yêu cầu gì khác.

Quá trình điều tra, Nguyễn Trọng N và Nguyễn Quốc V khai nhận phù hợp với nhau về hành vi phạm tội của các bị cáo, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai các bị hại, phù hợp vật chứng thu giữ và các chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập.

Tại cáo trạng số 29/CT-VKSTPBT ngày 07/5/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre đã truy tố các bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung cáo trạng và đề nghị:

Về hình phạt chính:

- Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng N từ 6 tháng đến 01 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc V từ 6 tháng đến 01 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Về hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng.

Về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp, ghi nhận: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã giao trả cho bị hại Phùng Văn L 01 (một) điện thoại Iphone 11 64GB (Imei 1: 354039664052743, I: 354039664464195); trả cho bị hại Nguyễn Trọng N 01 (một) điện thoại Iphone 12 64GB (Imei 1: 352991132675244, Imei: 352991132532247); Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B trả cho Huỳnh Bảo T3 số tiền 1.500.000 đồng, Người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Bửu C1 đã nhận lại số tiền 700.000 đồng. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì khác.

Trả lại xe mô tô Biển số 71B3-829.08 cho ông Nguyễn Văn T1.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Bị cáo không khiếu nại các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Anh Nguyễn Trọng N1 trình bày: anh là bị hại trong vụ án đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Phùng Văn L. Việc anh và ông L bị mất trộm tài sản như cáo trạng nêu là đúng. Tài sản mất trộm anh và ông L đã nhận lại nên không có yêu cầu bồi thường về phần trách nhiệm dân sự. Về trách nhiệm hình sự anh yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

Ông Nguyễn Văn T1 trình bày: Ông là cha của bị cáo V. Xe mà bị cáo V sử dụng để đi trộm là của ông. Khi cho V mượn xe ông không biết bị cáo V và bị cáo N1 dùng xe đi trộm. Ông yêu cầu được nhận lại xe. Về số tiền mà ông đã cho bị cáo V mượn để chuộc lại các tài sản để trả cho các bị hại thì V đã hoàn trả cho ông xong. Ông không có yêu cầu gì khác.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng trong quá trình điều tra, họ đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng, sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người tham gia tố tụng và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, đủ cơ sở xác định: Khoảng 04 giờ 05 phút ngày 21/12/2024, Nguyễn Trọng N và Nguyễn Quốc V đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của ông Phùng Văn L 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 64GB trị giá 4.200.000 đồng; chiếm đoạt của anh Nguyễn Trọng N 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 12 64GB trị giá 4.800.000 đồng tại nhà số B, Khu phố D, Phường H, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Tổng giá trị tài sản mà các bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại là 9.000.000 đồng.

[3] Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, các bị cáo nhận biết rõ hành vi của mình bị pháp luật cấm nhưng xuất phát từ động cơ tư lợi bất chính, các bị cáo đã cố ý cùng nhau lén lút chiếm đoạt tài sản của các bị hại, giá

trị tài sản chiếm đoạt 9.000.000 đồng. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre truy tố các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng luật định.

[4] Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, lợi dụng chủ sở hữu thiếu cảnh giác trong việc quản lý tài sản đã thực hiện hành vi phạm tội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn. Khi các bị cáo thực hiện tội phạm đã gây ra tâm lý lo sợ cho quần chúng nhân dân trong lao động, trong sinh hoạt hàng ngày.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo có nhân thân xấu, bị cáo V có 01 tiền sự về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, bị cáo N đã từng bị xử lý vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” (sau ngày thực hiện hành vi phạm tội). Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự các bị cáo không có. Các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: “Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn”, “Người phạm tội thành khẩn khai báo”, “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” theo quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo V đã tự nguyện chuộc lại các tài sản của bị hại để trả lại cho bị hại nên được hưởng thêm tình tiết “Tự nguyện khắc phục hậu quả” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo N “Có nghĩa vụ nuôi con nhỏ” nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

Về vai trò đồng phạm, trong vụ án này các bị cáo đồng phạm giản đơn với vai trò là người thực hành, bị cáo N trực tiếp lấy tài sản và có vai trò tích cực hơn so với bị cáo V.

[6] Về hình phạt bổ sung: do bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp:

Ghi nhận: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã giao trả cho bị hại Phùng Văn L 01 (một) điện thoại Iphone 11 64GB; trả cho bị hại Nguyễn Trọng N 01 (một) điện thoại Iphone 12 64GB.

Ghi nhận Trần Bửu C1 đã nhận lại số tiền 700.000 đồng; Huỳnh Bảo T3 đã nhận lại số tiền 1.500.000 đồng. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì khác.

Ghi nhận bị cáo V đã tự chuộc lại các tài sản với số tiền 700.000 đồng và không yêu cầu bị cáo N trả lại số tiền này.

Đối với xe mô tô Biển số 71B3-829.08 là của ông Nguyễn Văn T1 cho bị cáo V mượn nhưng ông T1 không biết việc V dùng xe vào việc phạm tội nên trả lại xe cho ông T1.

[8] Đối với Nguyễn Văn Ba S1, Trần Bửu C1, Huỳnh Bảo T3, Nguyễn H khi mua tài sản do các bị cáo trộm cắp mà có, giúp bị cáo chuyển tiền vào tài khoản nhưng không biết nguồn gốc tài sản nên Cơ quan có thẩm quyền không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp.

[9] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, hình phạt, xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp là phù hợp nên được chấp nhận.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trọng N, Nguyễn Quốc V phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

1.1 Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng N 9 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

1.2 Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc V 9 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại cho ông Nguyễn Văn T1 01 xe mô tô Biển số 71B3 - 829.08, nhãn hiệu Honda, loại: Wave, màu sơn: xanh, bạc, đen, số máy: JA39E0865969; số khung: RLHA3915KY009991.

(Vật chứng hiện Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/6/2025).

3. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo mỗi bị cáo Nguyễn Trọng N, Nguyễn Quốc V nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

5. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CA tỉnh Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Bến Tre (1b);
- Chi cục THA dân sự thành phố Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh Bến Tre; (1b);
- UBND xã Tân Thành Bình, tỉnh Vĩnh Long (2b);
- Bị cáo, NTGTT (7b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (6b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Văn Trình